TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 426/2018/DS-ST.
Ngày: 16/7/2018
V/v tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 891/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-DS ngày21tháng5năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng công ty Đ

Địa chỉ: đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn P

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D (xin vắng mặt)

Bịđơn: Bà Phạm Thị Ngọc T

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2017 và bản tự khai ngày 02/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/02/2016, bà Phạm Thị Ngọc T có ký Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 79784116005049 với Tổng công ty Đ. Trong quá trình sử dụng, bà T còn nợ tiền điện là 707.751 đồng. Cụ thể Hóa đơn số 8676664 số tiền 599.150 đồng, Hóa đơn số 8825820 số tiền là 108.601 đồng.

Do bà T không thanh toán số tiền điện còn nợ, Tổng công ty Đ khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T thanh toán số tiền điện còn nợ là 707.751 đồng.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Phạm Thị Ngọc T vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sơ chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơnvắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụán ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa Tổng công ty Đ và bà Phạm Thị Ngọc T là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Bị đơn trong vụ án cư trú tại huyện H, căn cứ vào khoản 14 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền điện còn nợ 02 kỳ tổng cộng là 707.751 đồng. Hội đồng xét thấy, căn cứ vào các hóa đơn tiền điện số 8825820, kỳ 8/2017 số tiền là 108.601 đồng; Hóa đơn số 8676664, kỳ 7/2017 số tiền là 599.150 đồng, thì chứng tỏ bà T còn nợ tiền điện của Tổng công ty Đ tổng cộng số tiền là 707.751 đồng. Do đó, căn cứ Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sơ chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàoĐiều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 707.751 (bảy trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm năm mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc T chịu 300.000đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Tổng công ty Đ số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0017414 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Nguyên đơn,bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDHH;
- THA DS HH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phụng